



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**  
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

---

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07 - 35
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>07 - 08</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019</i>	<i>09</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019</i>	<i>10</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2019</i>	<i>11 - 34</i>
Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	35

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Kim khí KKC (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí được thành lập theo hình thức chuyển nhượng toàn bộ giá trị vốn Nhà nước tại Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ và Xếp dỡ Vật tư thuộc Công ty Kim khí Hải Phòng theo Quyết định số 71/2000/QĐ-BCN ngày 18 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000033 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2001. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung 12 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 0200412681 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc đổi tên thành Công ty Cổ phần Kim khí KKC.

*Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 12: 52.000.000.000 VND*

*Vốn thực góp tại thời điểm 31/12/2019: 52.000.000.000 VND*

### Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng  
Điện thoại : 0225 382 6832  
Fax : 0225 382 6832  
Email : Ptramesco@hn.vn  
Mã số thuế : 0 2 0 0 4 1 2 6 8 1

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 35).

### Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đào Trọng Khôi	Chủ tịch
Ông Đoàn Trung Hà	Ủy viên
Ông Trần Trọng Hải	Ủy viên



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

***Ban Tổng Giám đốc***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đào Trọng Khôi	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Nha	Phó Tổng Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 23/12/2019

***Ban Kiểm soát***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Vũ Thị Hồng Liên	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Non	Thành viên
Bà Phạm Thị Minh Hạnh	Thành viên

***Kế toán trưởng***

Bà Mạc Thị Nhung

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Tổng Giám đốc**



**Đào Trọng Khôi**

Ngày 06 tháng 03 năm 2020



Số : 25.06.02/2019/NVT2-BCTC  
Ngày : 06 tháng 03 năm 2020

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Về Báo cáo tài chính năm 2019**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Kim khí KKC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kim khí KKC, được lập ngày 06 tháng 03 năm 2020 từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí KKC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Trụ Sở Chính:**

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
☎ (84-24) 3761 3399 ☎ (84-24) 3761 5599 🌐 www.ntv.vn 📧 vpa@ntv.vn

#### **Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

#### **Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

#### **Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:**

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim khí KKC tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNDKHNKT số: 1690-2018-124-1

**Kiểm toán viên**

**Lê Thị Ngọc Lan**

GCNDKHNKT số: 0165-2020-124-1

13  
N  
M  
T  
A



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019Mẫu số B01 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>120.919.845.647</b>	<b>154.699.977.495</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>6.554.303.299</b>	<b>2.524.704.991</b>
1. Tiền	111		4.054.303.299	2.524.704.991
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2a</b>	<b>7.902.400.000</b>	<b>9.838.400.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		20.014.063.383	20.014.063.383
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(12.111.663.383)	(10.175.663.383)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>29.804.089.435</b>	<b>67.016.731.571</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	23.015.449.924	63.838.090.527
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.047.921.504	743.598.810
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.026.544.853	3.701.988.707
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.285.826.846)	(1.266.946.473)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>72.128.575.427</b>	<b>70.114.531.501</b>
1. Hàng tồn kho	141		72.683.410.772	71.080.103.989
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(554.835.345)	(965.572.488)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.530.477.486</b>	<b>5.205.609.432</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	125.099.616	145.950.345
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.150.887.133	3.854.407.212
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.254.490.737	1.205.251.875
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>12.833.060.433</b>	<b>15.464.968.936</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.673.938.771</b>	<b>12.065.072.814</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	8.031.081.659	10.299.766.718
- Nguyên giá	222		34.579.393.683	35.413.266.057
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.548.312.024)	(25.113.499.339)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.642.857.112	1.765.306.096
- Nguyên giá	228		3.177.697.312	3.177.697.312
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.534.840.200)	(1.412.391.216)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>248.218.065</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	-	248.218.065
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>159.121.662</b>	<b>151.678.057</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	159.121.662	151.678.057
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>133.752.906.080</b>	<b>170.164.946.431</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>70.546.323.862</b>	<b>101.915.495.524</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>70.546.323.862</b>	<b>101.915.495.524</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	4.483.499.592	4.888.472.198
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	232.613.325	1.749.600.077
3. Phải trả người lao động	314		697.030.303	1.260.111.106
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	75.119.579	110.425.224
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	92.451.499	6.879.018.482
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	62.360.313.001	83.745.126.874
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	2.605.296.563	3.282.741.563
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>63.206.582.218</b>	<b>68.249.450.907</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>63.206.582.218</b>	<b>68.249.450.907</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.000.000.000	52.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.000.000.000	52.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.200.000.000	5.200.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(7.774.838.245)	(7.774.838.245)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.301.511.824	1.301.511.824
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.479.908.639	17.522.777.328
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17.522.777.328	21.518.570.843
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5.042.868.689)	(3.995.793.515)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>133.752.906.080</b>	<b>170.164.946.431</b>

Lập ngày 06 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Mạc Thị Nhung

Mạc Thị Nhung

Đào Trọng Khôi

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2019

Mẫu số B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	543.854.862.031	346.519.719.927
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		543.854.862.031	346.519.719.927
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	534.271.199.899	331.585.319.184
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		9.583.662.132	14.934.400.743
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.851.012.460	2.441.787.572
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.413.201.215	10.658.877.058
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.110.096.970	2.364.708.322
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.730.905.232	4.471.387.997
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.893.700.869	6.515.838.091
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(6.603.132.724)	(4.269.914.831)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.625.084.251	330.025.264
12. Chi phí khác	32	VI.8	64.820.216	55.903.948
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.560.264.035	274.121.316
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(5.042.868.689)	(3.995.793.515)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(5.042.868.689)	(3.995.793.515)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(1.075)	(852)

Lập ngày 06 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Mạc Thị Nhung

Mạc Thị Nhung

Đào Trọng Khôi



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

Mẫu số B03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		620.215.937.883	321.381.441.071
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(587.777.913.453)	(378.473.922.362)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.598.220.000)	(4.948.934.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(5.610.417.858)	(2.026.956.234)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(2.269.128.701)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		36.525.226.216	5.356.254.344
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(33.559.549.706)	(22.634.730.497)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>25.195.063.082</b>	<b>(83.615.976.379)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(146.174.500)	(3.771.873.398)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		630.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		244.656.783	1.854.843.273
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>728.482.283</b>	<b>(1.917.030.125)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	342.994.109.084	195.594.288.259
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(364.888.398.451)	(134.639.863.143)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(9.384.075.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(21.894.289.367)</b>	<b>51.570.349.516</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>4.029.255.998</b>	<b>(33.962.656.988)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>2.524.704.991</b>	<b>36.485.957.950</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	342.310	1.404.029
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	V.1	<b>6.554.303.299</b>	<b>2.524.704.991</b>

Người lập biểu



Mạc Thị Nhung

Kế toán trưởng



Mạc Thị Nhung

Lập ngày 16 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Đào Trọng Khôi

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
  - Khai thác quặng sắt;
  - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
  - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác;
  - Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu hàng hoá, thiết bị phụ tùng và các sản phẩm kim khí;
  - Dịch vụ vận chuyển, bốc xếp, cho thuê văn phòng, kho bãi. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch khác;
  - Kinh doanh lương thực, thực phẩm, hàng nông - lâm - thủy hải sản, vật liệu xây dựng, sắt thép phế liệu, thiết bị điện - điện tử, thiết bị bưu chính viễn thông;
  - Sản xuất và chế tạo thiết bị nâng hạ; Sản xuất và kinh doanh thép các loại;
  - Vận tải và đại lý vận tải hàng hoá thủy bộ;
  - Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá và phá dỡ tàu cũ;
  - Sản xuất và kinh doanh khí công nghiệp./.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh sắt thép các loại.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2018.

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**  
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Ban thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cụ thể như sau:

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền là 23.227 VND/USD.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng là 23.110 VND/USD.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### **a) Chứng khoán kinh doanh:**

Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán được lập dự phòng giảm giá.

Doanh nghiệp phải hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh. Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Khi nhà đầu tư nhận được thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (chia cổ tức bằng cổ phiếu) để phát hành thêm cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần.

Mọi trường hợp hoán đổi cổ phiếu đều phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động (bình quân gia quyền theo từng lần mua).

##### **b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên).

#### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Mỹ Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

##### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10

##### b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất.

#### 8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### **9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản Vay và nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản Vay và nợ thuê tài chính được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa vào giá trị tài sản khi có đủ điều kiện theo quy định Chuẩn mực kế toán Việt nam số 16 “Chi phí đi vay”.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### 13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

##### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

##### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *a) Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

##### *b) Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### *c) Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

#### **15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

#### **16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

#### **17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### **18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

##### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

#### 19. Công cụ tài chính

##### a) Tài sản tài chính

###### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

###### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

###### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

###### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

###### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

###### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### b) Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### **c) Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	20.472.855	108.845.232
Tiền gửi ngân hàng	4.033.830.444	2.415.859.759
Các khoản tương đương tiền	2.500.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	<u>2.500.000.000</u>	<u>-</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>6.554.303.299</u></b>	<b><u>2.524.704.991</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Là cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn thép Tiến Lên (TLH). Cuối năm, Công ty đang nắm giữ 1.760.000 cổ phiếu có giá trị sổ sách 20.014.063.383 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá thị trường của Cổ phiếu TLH là 4.490 VND/cổ phiếu, giá trị hợp lý của 1.760.000 cổ phiếu Công ty đang nắm giữ là 7.902.400.000 VND. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán tổng số tiền: 12.111.663.383 VND.

**b) Đầu tư tài chính dài hạn**

Là trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2017. Công ty sở hữu 300 trái phiếu có mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất thả nổi và được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,2%/năm, hình thức: trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ, thời hạn 10 năm từ ngày 14 tháng 11 năm 2017 đến ngày 14 tháng 11 năm 2027.

**3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Bàng	5.101.428.284	-
Công ty TNHH thép Kinh Bắc	3.322.706.391	5.541.623.156
Công ty TNHH Hưng Hà	2.239.955.449	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	1.970.011.017	1.496.220.939
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hoàng Sơn	1.319.246.694	730.009.690
Các khách hàng khác	9.062.102.089	56.070.236.742
<b>Cộng</b>	<b><u>23.015.449.924</u></b>	<b><u>63.838.090.527</u></b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hưng Hà	5.013.581.389	699.998.535
Các nhà cung cấp khác	34.340.115	43.600.275
<b>Cộng</b>	<b><u>5.047.921.504</u></b>	<b><u>743.598.810</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi phải thu - Công ty sản xuất thép úc SSE	-	-	584.097.222	-
Ký cược, ký quỹ	2.984.157.867	-	3.054.985.878	-
Tạm ứng	27.000.000	-	32.000.000	-
Lãi dự thu	5.136.986	-	-	-
BHXH nộp thừa	10.250.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	30.905.607	-
<b>Cộng</b>	<b>3.026.544.853</b>	<b>-</b>	<b>3.701.988.707</b>	<b>-</b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	1.266.946.473	-	1.266.946.473
Trích lập dự phòng bổ sung	18.880.373	-	18.880.373
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.285.826.846</b>	<b>-</b>	<b>1.285.826.846</b>

*Chi tiết nợ xấu và trích lập các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi xem phụ lục số 01.***7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	203.864.827	-	233.527.635	-
Thành phẩm	535.263.518	-	340.097.757	-
Hàng hóa	71.944.282.427	(554.835.345)	70.506.478.597	(965.572.488)
<b>Cộng</b>	<b>72.683.410.772</b>	<b>(554.835.345)</b>	<b>71.080.103.989</b>	<b>(965.572.488)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(965.572.488)	(1.120.000.000)
Trích lập dự phòng	(554.835.345)	(965.572.488)
Số hoàn nhập trong năm	965.572.488	1.120.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>(554.835.345)</b>	<b>(965.572.488)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
Nhà ăn mới cơ sở Cầu Kiền	248.218.065	146.174.500	394.392.565	-
<b>Cộng</b>	<b>248.218.065</b>	<b>146.174.500</b>	<b>394.392.565</b>	<b>-</b>

**9. Chi phí trả trước****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí bảo hiểm	-	48.323.441
Phí sử dụng đường bộ	30.258.864	38.972.359
Công cụ dụng cụ	94.840.752	58.654.545
<b>Cộng</b>	<b>125.099.616</b>	<b>145.950.345</b>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

Là chi phí Công cụ dụng cụ xuất dùng đang phân bổ.

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Là giá trị quyền sử dụng đất. Chi tiết số phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	3.177.697.312
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.177.697.312</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	1.412.391.216
Khấu hao trong năm	122.448.984
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.534.840.200</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	1.765.306.096
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.642.857.112</b>

Tài sản cố định vô hình đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT168-KKC ngày 08 tháng 7 năm 2019.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
 Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	15.389.241.364	4.900.614.639	14.723.523.812	334.703.709	35.413.266.057
Tăng do XDCB hoàn thành	394.392.565	-	-	-	394.392.565
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.228.264.939)	-	(1.228.264.939)
<b>Số cuối năm</b>	<b>15.783.633.929</b>	<b>4.900.614.639</b>	<b>13.495.258.873</b>	<b>334.703.709</b>	<b>34.579.393.683</b>
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.728.260.544	4.367.230.965	6.410.319.984	334.703.709	16.905.697.735
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	9.728.527.436	4.527.246.069	10.457.839.592	334.703.709	25.113.499.339
Khấu hao trong năm	1.127.228.703	53.338.368	1.014.128.434	-	2.194.695.505
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(759.882.820)	-	(759.882.820)
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.855.756.139</b>	<b>4.580.584.437</b>	<b>10.712.085.206</b>	<b>334.703.709</b>	<b>26.548.312.024</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	5.660.713.928	373.368.570	4.265.684.220	-	10.299.766.718
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.927.877.790</b>	<b>320.030.202</b>	<b>2.783.173.667</b>	<b>-</b>	<b>8.031.081.659</b>

Toàn bộ TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngô Quyền theo hợp đồng tín dụng số 01/2019-HDCVHM/NHCT168-KKC ngày 08 tháng 7 năm 2019.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH TM Đồng Đạt	1.153.336.099	1.153.336.099	-	-
Công ty TNHH Thương mại Phú Nam	510.809.723	510.809.723	1.464.926.484	1.464.926.484
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam	485.270.452	485.270.452	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Vision	480.012.144	480.012.144	-	-
Công ty Cổ phần TM Hàng hoá quốc tế IPC	314.001.215	314.001.215	231.847.567	231.847.567
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	254.275.228	254.275.228	264.004.879	264.004.879
Các nhà cung cấp khác	1.285.794.731	1.285.794.731	2.927.693.268	2.927.693.268
<b>Cộng</b>	<b>4.483.499.592</b>	<b>4.483.499.592</b>	<b>4.888.472.198</b>	<b>4.888.472.198</b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hoàng Lương	127.997.504	-
Công ty TNHH Hưng Hà	-	600.000.000
Công ty Cổ phần đóng tàu vận tải thương mại Tân Hưng	-	945.957.387
Các khách hàng khác	104.615.821	203.642.690
<b>Cộng</b>	<b>232.613.325</b>	<b>1.749.600.077</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải thu cuối năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	14.891.418.297	14.891.418.297	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.200.000.000	-	-	1.200.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	5.251.875	149.596.812	198.835.674	54.490.737
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	523.825.562	523.825.562	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.205.251.875</b>	<b>15.568.840.671</b>	<b>15.618.079.533</b>	<b>1.254.490.737</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% và 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**Các loại thuế khác**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Là chi phí lãi vay phải trả.

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	75.543.759	44.975.759
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	16.907.740	16.907.740
Phải trả Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngô Quyền	-	6.816.380.971
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	754.012
<b>Cộng</b>	<u><b>92.451.499</b></u>	<u><b>6.879.018.482</b></u>

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.816.045.051	-	468.170.000	1.347.875.051
Quỹ phúc lợi	1.466.696.512	-	209.275.000	1.257.421.512
<b>Cộng</b>	<u><b>3.282.741.563</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>677.445.000</b></u>	<u><b>2.605.296.563</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Mỹ Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**18. Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng phải trả các bên liên quan</i>				
Ông Đoàn Trung Hà (1)	6.689.605.095	6.689.605.095	5.372.962.478	5.372.962.478
<i>Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Ngô Quyền (2)	55.670.707.906	55.670.707.906	78.372.164.396	78.372.164.396
<b>Cộng</b>	<b>62.360.313.001</b>	<b>62.360.313.001</b>	<b>83.745.126.874</b>	<b>83.745.126.874</b>

(1) Vay ngắn hạn cá nhân theo hợp đồng tín dụng với cá nhân. Các khoản vay này có thời hạn vay dưới 12 tháng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, kỳ trả lãi theo tháng, lãi suất được quy định rõ trong các hợp đồng vay và nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 lần lãi suất Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HDCVHM/NHCT168-KIMKHIKKC ngày 08/7/2019 thay thế cho Hợp đồng tín dụng số 01/2018-HDTHM/NHCT168-KKC ngày 23/10/2018 và các phụ lục kèm theo, tổng hạn mức quy đổi ra đồng Việt Nam không vượt quá 80 tỷ đồng, với mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở LC để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Lãi suất cho vay trong hạn của Khoản nợ là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay được điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản vật kiến trúc trên đất và công trình phụ trợ khác tại số 6 Nguyễn Trãi, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền có diện tích là 5.324,7 m<sup>2</sup>, và toàn bộ tài sản vật kiến trúc trên đất và các công trình phụ trợ khác tại xã An Hồng, H. An Dương, Tp. Hải Phòng có diện tích là 8.742 m<sup>2</sup> cùng máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, toàn bộ hàng tồn kho và khoản phải thu luân chuyển hình thành từ vốn vay NHCT để đảm bảo cho khoản vay trên.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính ngân hàng như sau:

	Số đầu năm		Số tiền vay phát sinh trong năm		Số tiền vay đã trả trong năm		Số cuối năm	
	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Lãi vay nhập gốc	Lãi vay nhập gốc	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm		
Vay ngắn hạn ngân hàng	78.372.164.396	314.129.341.961	-	-	336.830.798.451	55.670.707.906		
Vay ngắn hạn các cá nhân (là bên liên quan)	5.372.962.478	28.864.767.123	509.475.494	509.475.494	28.057.600.000	6.689.605.095		
<b>Cộng</b>	<b>83.745.126.874</b>	<b>342.994.109.084</b>	<b>509.475.494</b>	<b>509.475.494</b>	<b>364.888.398.451</b>	<b>62.360.313.001</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHI KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng  
**BẢO CAO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**19. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	52.000.000.000	5.200.000.000	(7.774.838.245)	1.301.511.824	32.483.006.013	83.209.679.592
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(3.995.793.515)	(3.995.793.515)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.579.835.170)	(1.579.835.170)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(9.384.600.000)	(9.384.600.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>(7.774.838.245)</b>	<b>1.301.511.824</b>	<b>17.522.777.328</b>	<b>68.249.450.907</b>
Số dư đầu năm nay	52.000.000.000	5.200.000.000	(7.774.838.245)	1.301.511.824	17.522.777.328	68.249.450.907
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(5.042.868.689)	(5.042.868.689)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>(7.774.838.245)</b>	<b>1.301.511.824</b>	<b>12.479.908.639</b>	<b>63.206.582.218</b>

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	52.000.000.000	52.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	5.200.000.000	5.200.000.000
Cổ phiếu quỹ	(7.774.838.245)	(7.774.838.245)
<b>Cộng</b>	<b>49.425.161.755</b>	<b>49.425.161.755</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****c) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.200.000	5.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.200.000	5.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	507.700	507.700
- Cổ phiếu phổ thông	507.700	507.700
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.692.300	4.692.300
- Cổ phiếu phổ thông	4.692.300	4.692.300

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**20. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
<i>Dollar Mỹ (USD)</i>	6.381,69	6.472,10

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHỖ CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	528.811.384.694	337.387.234.044
Doanh thu bán thành phẩm	12.730.172.800	7.023.798.204
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.313.304.537	2.108.687.679
<b>Cộng</b>	<b><u>543.854.862.031</u></b>	<b><u>346.519.719.927</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	522.606.900.187	325.526.567.192
Giá vốn của thành phẩm đã bán	12.075.036.855	6.213.179.504
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	554.835.345	965.572.488
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(965.572.488)	(1.120.000.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>534.271.199.899</u></b>	<b><u>331.585.319.184</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	249.793.769	1.054.843.273
Lãi phải thu Công ty SSE	3.493.617.787	584.097.222
Lãi nhận được từ chia cổ tức	-	800.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	107.258.594	1.443.048
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	342.310	1.404.029
<b>Cộng</b>	<b><u>3.851.012.460</u></b>	<b><u>2.441.787.572</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	6.110.096.970	2.364.708.322
Lãi chậm thanh toán	665.882.266	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	701.221.979	132.568.736
Dự phòng giảm giá chứng khoán	1.936.000.000	8.161.600.000
<b>Cộng</b>	<b><u>9.413.201.215</u></b>	<b><u>10.658.877.058</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.821.088.960	1.655.416.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.738.996.859	1.900.312.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.167.229.413	897.268.223
Chi phí khác	3.590.000	18.390.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.730.905.232</u></b>	<b><u>4.471.387.997</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.995.468.786	3.945.118.446
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	622.727
Chi phí khấu hao tài sản cố định	455.961.558	70.015.629
Thuế, phí và lệ phí	527.825.562	957.630.350
Dự phòng phải thu khó đòi	18.880.373	11.526.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.884.822.590	1.508.894.569
Các chi phí khác	10.742.000	22.029.502
<b>Cộng</b>	<b><u>5.893.700.869</u></b>	<b><u>6.515.838.091</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	104.345.154	-
Thu tiền hoàn thuế năm 2017	1.462.788.270	-
Xử lý công nợ lâu ngày không thanh toán	34.245.117	330.000.000
Thu nhập khác	23.705.710	25.264
<b>Cộng</b>	<b><u>1.625.084.251</u></b>	<b><u>330.025.264</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	36.385.303
Phạt vi phạm hành chính	13.195.000	-
Xử lý công nợ lâu nhỏ, lẻ	318.609	-
Xử lý công nợ lâu ngày không thanh toán	30.905.607	-
Chi phí khác	20.401.000	19.518.645
<b>Cộng</b>	<b><u>64.820.216</u></b>	<b><u>55.903.948</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.042.868.689)	(3.995.793.515)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	64.501.607	(706.261.697)
- Các khoản điều chỉnh tăng	64.501.607	93.738.303
<i>Chi phí không có chứng từ, chi phí khác</i>	<i>51.306.607</i>	<i>57.353.000</i>
<i>Chi phí nộp phạt hành chính</i>	<i>13.195.000</i>	<i>36.385.303</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(800.000.000)
<i>Thu nhập nhận được từ cổ tức</i>	<i>-</i>	<i>(800.000.000)</i>
Thu nhập chịu thuế	(4.978.367.082)	(4.702.055.212)
Thu nhập tính thuế	(4.978.367.082)	(4.702.055.212)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.042.868.689)	(3.995.793.515)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(5.042.868.689)	(3.995.793.515)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.692.300	4.692.300
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.075)</b>	<b>(852)</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.692.300	4.692.300
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>4.692.300</b>	<b>4.692.300</b>

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.372.419.512	6.100.862.558
Chi phí nhân công	4.919.702.746	5.732.717.829
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.317.144.489	2.084.898.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.077.664.907	2.406.162.792
Chi phí dự phòng	(391.856.770)	11.526.868
Chi phí khác	1.188.996.690	998.049.852
<b>Cộng</b>	<b>22.484.071.574</b>	<b>17.334.218.172</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### Giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay nhập gốc của khoản vay ngắn hạn	509.475.494	252.962.478
Bù trừ công nợ phải thu - phải trả	17.248.022.680	12.550.593.715
<b>Cộng</b>	<b><u>17.757.498.174</u></b>	<b><u>12.803.556.193</u></b>

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Phát sinh trong năm và các khoản công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở mục V.18.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương và phụ cấp thành viên quản lý chủ chốt	1.925.160.000	2.519.668.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.382.204.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.925.160.000</u></b>	<b><u>4.901.872.000</u></b>

### 2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh các mặt hàng thép và toàn bộ hoạt động bán hàng diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không thực hiện trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

### **B, Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền và các khoản trong tương lai cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	62.360.313.001	-	-	62.360.313.001
Phải trả người bán	4.483.499.592	-	-	4.483.499.592
Các khoản phải trả khác	864.601.381	-	-	864.601.381
<b>Cộng</b>	<b>67.708.413.974</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>67.708.413.974</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	83.745.126.874	-	-	83.745.126.874
Phải trả người bán	4.888.472.198	-	-	4.888.472.198
Các khoản phải trả khác	8.249.554.812	-	-	8.249.554.812
<b>Cộng</b>	<b>96.883.153.884</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>96.883.153.884</b>

### **C, Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

#### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.554.303.299	2.524.704.991	6.554.303.299	2.524.704.991
Chứng khoán kinh doanh	7.902.400.000	9.838.400.000	7.902.400.000	9.838.400.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu khách hàng	21.729.623.078	62.571.144.054	21.729.623.078	62.571.144.054
Các khoản phải thu khác	3.026.544.853	3.701.988.707	3.026.544.853	3.701.988.707
<b>Cộng</b>	<b>42.212.871.230</b>	<b>81.636.237.752</b>	<b>42.212.871.230</b>	<b>81.636.237.752</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	62.360.313.001	83.745.126.874	62.360.313.001	83.745.126.874
Phải trả người bán	4.483.499.592	4.888.472.198	4.483.499.592	4.888.472.198
Các khoản phải trả khác	864.601.381	8.249.554.812	864.601.381	8.249.554.812
<b>Cộng</b>	<b>67.708.413.974</b>	<b>96.883.153.884</b>	<b>67.708.413.974</b>	<b>96.883.153.884</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh-Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

#### 5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt và được trình bày lại một số chỉ tiêu cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Người lập biểu



Mạc Thị Nhung

Kế toán trưởng



Mạc Thị Nhung

Lập ngày 06 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Đào Trọng Khôi

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHI KKC**

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Mây Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi****Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Công ty Cơ khí Xây dựng Công trình	Khó có khả năng thu hồi	110.876.177	Khó có khả năng thu hồi	110.876.177
giao thông 121				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng	Khó có khả năng thu hồi	72.045.507	Khó có khả năng thu hồi	72.045.507
số 18.1				
Công ty Cổ phần Xâu dệt và thiết bị	Khó có khả năng thu hồi	12.315.496	Khó có khả năng thu hồi	12.315.496
Hiếu Linh				
Công ty Cổ phần Lisemco 5	Khó có khả năng thu hồi	94.482.975	Khó có khả năng thu hồi	94.482.975
Doanh nghiệp tư nhân Phương Lưu	Khó có khả năng thu hồi	789.002.100	Khó có khả năng thu hồi	789.002.100
Công ty CP Thép Châu Phong	Khó có khả năng thu hồi	146.318.825	Khó có khả năng thu hồi	146.318.825
Công ty TNHH Đầu tư TM Vận tải	Khó có khả năng thu hồi	840.200	Khó có khả năng thu hồi	840.200
Gia Bảo				
Cty CP CK và Kết cấu thép Sóc Sơn	Khó có khả năng thu hồi	721.155	Khó có khả năng thu hồi	721.155
Công ty TNHH Ngọc Lâm Phong	Quá hạn trên 3 năm	507.336	Quá hạn 2 - 3 năm	507.336
Công ty TNHH vận tải Việt Tiến	Quá hạn trên 3 năm	57.127.004	Quá hạn 2 - 3 năm	57.127.004
Công ty TNHH TM và DV Minh Tiến	Quá hạn 1 - 2 năm	3.180.141		
<b>Cộng</b>		<b>1.287.416.916</b>	<b>1.285.826.846</b>	<b>1.284.236.775</b>
				<b>1.266.946.473</b>

